

QUYỀN 51

Hỏi: Nhân tướng lập danh, do danh hiển tướng; đã nói về danh, thức tướng như thế nào ?

Đáp: Khởi mở là danh, hành trạng có thể thấy là tướng, phân biệt sự thức thứ sáu là danh, tâm ô nhiễm bám lấy cảnh là tướng; hiện thức thứ bảy là danh, vô minh huân vọng tâm là tướng; tạng thức thứ tám là danh, tâm thanh tịnh là tướng; chân thức thứ chín là danh, thể tính chẳng đối là tướng. Đây là danh của vô danh, tướng của vô tướng. Vì sao ? Vì danh tướng chẳng ngoài tâm cảnh cho nên tâm vô tự tính, do cảnh mà sinh; cảnh vô tự tính, do tâm mà có. Nói về tâm, chẳng có cảnh ngoài tâm; nói về cảnh, chẳng có tâm ngoài cảnh. Hoặc nếu cùng đoạt cùng mất thì tâm cảnh đều bật. Nếu cùng giúp cùng lập thì tâm cảnh rõ ràng. Đây là vô tính mà không, không mà chẳng không; vô tính mà có, có mà chẳng có. Có của phi hữu thì cái có hiển nhất như; không của phi không thì cái không làm thành vạn đức. Có thể gọi là “đem vạn hữu về tính không, dẹp nhất vô nơi tất cánh”.

Duy Thức Xu Yếu ghi; “Nói về tướng của tự tâm có hai cách giải thích: một cho là tướng ảnh tượng, hai cho là tướng sở chấp. Tuy vô thật thể nhưng tùy theo tình chấp hiện bày; các thuyết tâm tướng đều phỏng theo, nên biết”.

Giải thích:

Tướng ảnh tượng, vạn pháp là bóng dáng của tâm. Tướng sở chấp, các cảnh vô thể, tùy chấp mà sinh, do từ tâm sinh ra rồi trở lại làm tướng để tâm duyên.

Hỏi: Thức a-lại-da do đâu được tên, nó từ thể sinh hay do hòa hợp có ?

Đáp: Nếu nói tự sinh là tự tính si; nếu nói tha sinh là tha tính si; nếu nói do hòa hợp mà có là cộng tính si; nếu nói là tự tha sinh là vô nhân si. Nếu nói trên phương tiện thể để tất-đàn, như pháp tính hợp với vô minh sinh ra tất cả pháp, như ngũ mê hợp với

chiêm bao thấy tất cả sự việc. Căn bản thức này được kiến lập từ môn sinh diệt, do chân vọng hòa hợp được tên.

Luận Khởi Tín ghi: “Tâm sinh diệt môn, nghĩa là nương vào Như Lai tạng có tâm sinh diệt chuyên, bất sinh diệt cùng sinh diệt hòa hợp phi nhất phi dị gọi là thức a-lại-da”.

Thức này có hai nghĩa: năng nhiếp tất cả pháp và hay sinh tất cả pháp. Còn có hai nghĩa: giác và bất giác.

Giác nghĩa là tâm đệ nhất nghĩa tính là tất cả tướng vọng niệm, đồng hư không giới bao trùm tất cả. Pháp giới nhất tướng là pháp thân bình đẳng của tất cả Như Lai. Nương pháp thân này nói tất cả Như Lai là bản giác, vì phải nhờ thi giác mới lập thành bản giác. Nhưng thi giác chính là bản giác, không riêng giác khởi lập ra thi giác, nghĩa là nương bản giác có bất giác, nương bất giác nói có thi giác.

Lại nữa, vì giác ngộ nguồn tâm nên gọi là cứu cánh giác; chẳng giác ngộ nguồn tâm nên chẳng phải cứu cánh giác.

Bất giác nghĩa là từ vô thi đến nay vì chẳng biết pháp chân nhất như thật nên tâm bất giác khởi vọng niệm, tự vô thật tướng chẳng là bản giác, như người không biết phương hướng nên mê lầm, mê không có tự tướng, chẳng là phương hướng. Chúng sinh cũng thế, vì nương nơi giác nên có bất giác vọng niệm sinh. Nhưng bất giác ấy tự không có thật tướng, chẳng là bản giác, lại đợi bất giác để nói chân giác; bất giác đã không, chân giác cũng trừ.

Cổ đức giải thích:

Tâm bất sinh diệt cùng sinh diệt hòa hợp phi nhất phi dị, vì bảy thức nhiễm pháp là sinh diệt, Như Lai tạng tịnh pháp là bất sinh diệt. Vì tâm bất sinh toàn thể bị động nên tâm chẳng là tướng sinh diệt. Vì tướng sinh diệt là thân giải nên sinh diệt chẳng là tâm tướng. Bởi chẳng là nhau nên gọi hòa hợp, là thức a-lại-da. Vì hòa hợp nên phi nhất phi dị. Nếu nhất thì chẳng hòa hợp, nếu dị cũng chẳng hòa hợp; phi nhất phi dị nên được hòa hợp.

Tâm Như Lai tạng thanh tịnh bị động thành sinh diệt, vì chẳng lìa nhau nên nói hòa hợp, chẳng phải nói rằng riêng có sinh diệt đến hợp với chân, đó là tâm sinh diệt. Sự sinh diệt của tâm vô tướng do vô minh thành. Tâm sinh diệt từ bản giác khởi nhưng chẳng có hai thể, vì chẳng lìa nhau nên nói hòa hợp. Như nước biển nhân gió dậy sóng, tướng nước tướng gió chẳng lìa nhau.

Nếu sinh và vô sinh là một thì lúc sinh diệt, thức tướng dứt sạch, thể của tâm thần cũng theo đó diệt, là rơi vào đoạn kiến. Nếu sinh và vô sinh là khác thì khi nương gió vô minh huân động, thể của tĩnh tâm lẽ ra chẳng theo duyên, là rơi vào thường kiến. Lìa hai kiến chấp trên là phi nhất phi dị.

Hai pháp giác và bất giác huân tập lẫn nhau tạo thành pháp nhiệm tịnh, đã không có tự thể hoàn toàn là nhất giác. Vì sao ? Do vô minh nên thành bất giác; vì bất giác huân bản giác nên sinh các pháp nhiệm. Lại do bản giác huân bất giác nên sinh các pháp tịnh. Nương vào hai nghĩa này khắp sinh tất cả, nên nói thức có hai nghĩa sinh tất cả pháp.

Hỏi: Thức a-lại-da lấy gì làm nhân, lấy gì làm duyên, lấy gì làm thể ?

Đáp: *Luận Hiện Dương* ghi: “Thức a-lại-da lấy phiền não nghiệp tăng trưởng do đời trước tạo tác làm duyên, lấy huân tập hý luận từ vô thủy đến nay làm nhân, lấy tất cả chủng tử dị thực được sinh ra làm thể”.

Thức này hay chấp thọ và liễu biệt sắc căn, chỗ nương của căn và hý luận, huân tập tất cả thời, đây là một loại sinh tử rất khó hiểu thấu. Thức ấy lại hay nắm giữ phân biệt khí thể gian bên ngoài, tương ưng với những cảm thọ chẳng khổ, chẳng vui, chỉ là vô phú vô ký, cùng với chuyển thức làm nhân cho nhau.

Kinh nói: “Bị vô minh che lấp, bị ái kết ràng buộc, người ngu cảm biết trong thân có thức”. Đây nói rõ ràng có thức dị thực a-lại-da.

Hỏi: Thức a-lại-da đương thể là tự tướng, đáp ứng cái nhân thiện ác nên là quả tướng, thọ huân trì chủng nên là nhân tướng. Thức thứ tám đã là tướng nhân quả, trong sáu nhân nó thuộc nhân nào, trong năm quả thuộc quả nào ?

Đáp: Trong sáu nhân, nó có bốn nhân:

- Hay giữ gìn chủng tử là trì chủng nhân.
- Do chủng tử cùng lúc có là câu hữu nhân.
- Hướng về tự loại chủng tử trước sau dẫn nhau là đồng loại nhân.

- Hướng về những tâm sở đồng thời là tương ưng nhân.

Không thuộc hai nhân còn lại:

- Dị thực nhân là tính thiện ác, thức này là vô ký.
- Biến hành nhân là nhiễm, vì thấy nghi vô minh v.v..., thức này chẳng phải nhiễm.

Trong năm quả, nó có bốn quả:

- Chỉ trừ ly hệ, hướng về tự chủng tử, là đẳng lưu quả.
- Hướng về tâm sở tác ý v.v..., là sĩ dụng quả.
- Hướng về thức thứ bảy, là tăng thượng quả.
- Hướng về nhân thiện ác, là dị thực quả.

Hỏi: Trong các tâm thức, thức nào bền vững chẳng bị các duyên lay động ?

Đáp: Trên thế gian, không một pháp nào chẳng từ duyên sinh. Pháp duyên sinh thấy đều vô thường, chỉ có tâm căn bản chẳng từ thuở trước sinh, chẳng từ thuở giữa trụ, chẳng ở thuở sau diệt, đây là cội gốc của vạn vật, là nơi an trụ của chư Phật. Thế nên dụ nó như gương, có thể soi xét đẹp xấu, thấu triệt huyền vi, tôn vinh làm tông, như biển lớn tiếp nhận muôn sông, thái hư bao trùm vạn tượng.

Kinh Mật Nghiêm ghi: “Tâm có tám loại hoặc có chín loại, nó cùng đi vô minh làm nhân thế gian. Thế gian đều từ tâm và tâm pháp hiển hiện. Tâm tâm pháp ấy cùng các căn sinh diệt lưu chuyển bị vô minh làm biến đổi sai khác. Tâm căn bản kiên cố bất động,

nhân duyên thế gian có 12 phần hoặc căn hoặc cảnh, năng sinh, sở sinh, hoại diệt trong sát-na từ cõi trời cho đến cõi phi phi tưởng đều do nhân duyên khởi. Chỉ có Như Lai lià các nhân duyên. Các pháp động và bất động trong ngoài thế gian đều như cái bình có tính hoại diệt”.

Lại tụng rằng:

*Này chư vị Phật tử
Tại sao chẳng thấy nghe
Thế tạng thức thanh tịnh
Nơi các thân nương tựa
Có ba mươi hai tướng
Tướng Phật và Luân vương
Hoặc hiện các thứ hình
Thế gian thấy đều thấy
Như vàng trắng giữa trời
Tinh tú đều vây quanh
Các thức a-lại-da
Trụ trong thân như thế
Như thiên chúa cõi Dục
Thong dong dạo cung báu
Các thần ở sông biển
Thấy đều từ tâm hiện
Ví như nhật thiên tử
Rạng rỡ ngồi cung báu
Núi Tu-di bao quanh
Chư thiên và loài người
Trông thấy đều lễ kính
Tạng thức trong Phật địa
Tướng trạng cũng như thế
Thập Địa tu các hạnh
Hiện phát pháp đại thừa
Ban vui khắp chúng sinh*

Thường ca ngợi Như Lai
Tại nơi thân Bồ-tát
Đây gọi là Bồ-tát.
Phật và chư Bồ-tát
Đều gọi a-lại-da
Phật và các Phật tử,
Đã và sẽ thụ ký
A-lại-da rộng lớn
Thành tựu được chính giác
Các thiên định mật nghiêm
Tương ứng với diệu định
Ở thức a-lại-da
Quán thấy thật rõ ràng.
Phật và Bích-chi Phật
Thanh văn, các dị đạo
Rõ lý không sợ hãi
Quán sát đều là thức
Tất cả các thức cảnh
Đều từ tâm biến hiện
Những vật như áo, bình
Thế tính đều là không
Thấy nương a-lại-da
Chúng sinh mê hoặc thấy
Do vì các tập khí
Năng thủ, sở thủ chuyển
Tính này phi, như huyễn
Như bóng nắng, vòng lửa
Chẳng sinh, chẳng bất sinh
Chẳng không cùng chẳng hữu.
Ví như dài hoặc ngắn
Là tất cả đều không
Người trí quán việc huyễn

Chỉ là trò ảo thuật
Chưa từng có một vật
Cùng với huyền sinh khởi.
Bóng nắng và vòng lửa
Hòa hợp có thể thấy
Là một chẳng hòa hợp
Quá (khứ) vị (lai) cũng chẳng có
Huyền hóa như vòng lửa ...
Tất cả các vật tướng
Đều do tâm biến dị
Vô thể cũng vô danh
Người mê muội trong đời
Tâm họ chẳng tự tại
Làm nói có năng huyền
Huyền thành các thứ vật
Gạch ngói nhà ảo thuật
Làm ra các vật loại
Mọi thứ có đến đi
Thấy đều thấy chẳng thật
Như sắt do nam châm
Theo phương hướng di chuyển
Tạng thức cũng như thế
Tùy theo phân biệt chuyển.
Tất cả các thế gian
Không nơi nào chẳng khắp
Như mặt nhật ma-ni
Chẳng suy nghĩ phân biệt
Thức này khắp mọi nơi
Thấy thế nói lưu chuyển
Chẳng mất cũng chẳng sinh
Chẳng phải pháp lưu chuyển
Định tâm chuyên quán sát

*Sinh tử như giấc mộng
Khi ấy liền chuyển y
Gọi đó là giải thoát
Là giáo lý tối thượng
Của tất cả chư Phật.
Suy lường tất cả pháp
Như cân, như gương sáng
Lại như ngọn đèn lớn
Cũng như đá thử vàng
Xa lìa chấp đoạn diệt
Biểu thị tướng chính đạo
Người tu hành diệu định
Đạt đến nhân giải thoát
Xa lìa các tập nhiễm
Chuyển y mà hiển hiện.*

Hỏi: Bản thức hòa hợp với các thức đồng khởi đồng diệt; đến địa vị chuyển y, các thức phiền não dứt hết, chỉ còn bản thức tồn tại, làm sao phân biệt diệt và chẳng diệt ?

Đáp: *Luận Nhiếp Đại Thừa* ghi: “Nếu bản thức cùng phi bản thức đồng khởi đồng diệt, như sữa với nước hòa hợp, tại sao bản thức chẳng diệt mà phi bản thức diệt, như con ngỗng chỉ uống sữa trong dung dịch sữa nước”.

Giải thích:

Ví như sữa với nước tuy hòa hợp nhưng lúc uống con ngỗng chỉ uống sữa mà không uống nước nên sữa hết mà nước còn; bản thức và phi bản thức cũng thế, tuy hòa hợp mà một cái mất, một cái còn.

Hỏi: Thức tâm căn bản này đã gọi là thể của tất cả pháp, còn nói là thường trụ bất động, vậy thì vạn pháp ngay tâm này có, hay lìa tâm này có ? Nếu ngay tâm này vạn pháp sinh khởi thì làm sao gọi là thường trụ ? Nếu lìa tâm này thì làm sao gọi là thể của tất cả pháp ?

Đáp: Khai hợp tùy duyên, phi tức phi ly, vì duyên hội nên hợp, vì duyên tan nên khai. Khai hợp chỉ là duyên, khép mở vô thể. Duyên chỉ khai hợp, duyên cũng vốn không, kia đây vô tri, năng sở đều bật.

Kinh Mật Nghiêm có kệ:

*Ví như vàng và đá
Xưa nay không tương nước
Cùng lửa chung hòa hợp.
Như nước cùng lưu chuyển
Tạng thức cũng như thế
Thể chẳng phải lưu chuyển
Các thức cùng tương ứng
Cùng pháp đồng lưu chuyển
Theo sức hút nam châm
Sắt di chuyển khắp nơi
Cả hai đều vô tư.
Nếu như có hay biết
Lại-da và bảy thức
Nên biết cũng như thế
Dây tập khí trói buộc
Không người mà lại có
Ở khắp thân chúng sinh
Dạo quanh các ám thú
Như sắt và nam châm
Xoay vần chẳng biết nhau.*

Hỏi: Tạng thức thứ tám có mấy thức ?

Đáp: *Luận Thích Ma-ha-diễn* nói: “Thức a-lại-da gồm có mười thức, mỗi kinh đều nói khác nhau:

1- Đại nghiệp chủ a-lại-da thức: là đại thức tổng tướng, nghĩa như trên nói.

2- Căn bản vô minh riêng lập làm a-lại-da thức thành mười thức vọng tướng. Khế kinh nói: “Sát-xà-chỉ-đa đề vương thức là vọng

pháp, chẳng thể liễu đạt nhất pháp giới thể; thức a-lại-da lấy tất cả nhiệm pháp làm căn bản, sinh ra tăng trưởng không dứt mất”. Nếu không có đề vương thức, các pháp bất thiện hoàn toàn không có nơi nương tựa nên chẳng thể sinh trưởng, thức a-lại-da này sẽ thuộc về quyết trạch nào ? Trong bản luận nói nó thuộc nghĩa bất giác, vì chẳng biết pháp nhất chân như thật; do bất giác tâm khởi vọng niệm...

3- Thanh tịnh bản giác a-lại-da thức: là bản trí tự nhiên riêng lập làm a-lại-da, cho nên khế kinh nói về bản giác như sau: “A-lại-da thức tự thể thanh tịnh của Phật có đầy đủ công đức vô lậu viên mãn, thường hằng quyết định, không tướng thọ huân, không tướng biến dị, trí thể bất động, đầy đủ thiện pháp, vì thế gọi là độc nhất tịnh thức”, thế nên thức a-lại-da này sẽ thuộc về quyết trạch nào ? Trong bản luận nói: lại nữa thể tướng của giác có bốn thứ nghĩa “đại”, đồng với hư không như gương sáng sạch ...

4- Nhiệm tịnh bản giác a-lại-da thức: Bất thủ tự tính đà-la-ni trí riêng lập làm a-lại-da thức, nên khế kinh nói về bản nhân duyên khởi như sau: “Bấy giờ, đồng tử Quang Nghiêm bạch Phật: Thế Tôn do nguyên nhân gì khó vào pháp hội chưa từng có ? Tùy tha duyên khởi đà-la-ni trí gọi là Lăng Già vương thức. Tại sao gọi là Lăng Già vương ? Dùng ví dụ này để trình bày duyên khởi đà-la-ni trí.

Khi ấy Thế Tôn bảo đồng tử Quang Nghiêm: Này đồng tử, Lăng Già vương thường ở trong núi Ma-la biển lớn, thống lĩnh mười muôn sáu nghìn chúng quỷ thần làm quyền thuộc.

Các quyền thuộc ấy cưỡi cung điện hoa đạo chơi khắp các cõi đều là nhờ thần lực vua Lăng Già. Các quỷ thần cùng nói: ‘Chúng tôi không có uy đức, không có khí lực, không có khả năng làm những việc như thế, chỉ có đại vương mới có năng lực ấy’. Vua Lăng Già liền ban cho năng lực thù thắng và không rời bỏ họ”. Nghĩa là vua Lăng Già tuy chẳng phải phân thân mà có thể đầy khắp trong chúng quỷ thần, mỗi mỗi đều có năng lực toàn thân mọi lúc mọi nơi cùng di chuyển chẳng lìa. Bất thủ tự tính trí cũng thế, có thể vừa tiếp nhận

sự huân tập của tất cả vô lượng vô biên phiền não nhiễm pháp của quỷ thần, vừa cùng di chuyển chẳng lìa. Bởi nhân duyên này, ta khó vào trong ấy để nói rằng tùy chuyển giác trí gọi là Lăng Già vương thức, thế nên thức a-lại-da sẽ thuộc về quyết trạch nào ? Trong bản luận nói: “Tự tính thanh tịnh tâm do gió vô minh động, tâm và vô minh đều vô hình tướng, chẳng xa lìa nhau...”.

5- Nghiệp tướng nghiệp thức a-lại-da thức, là căn bản nghiệp tướng và nghiệp thức riêng lập làm a-lại-da, cho nên trong khế kinh nói về bản tính trí như sau: “Thức a-lại-da, vô năng liễu tác, vô sở liễu tác, không thể phân tích, không thể cách biệt, chỉ do nghĩa chuyển động tinh vi vận hành kín đáo nên gọi là Kiện-ma”, thế nên thức a-lại-da sẽ thuộc về quyết trạch nào ? Trong bản luận nói: “Lại nữa, vì nương vào bất giác nên sinh ba tướng tương ưng chẳng lìa với bất giác”. Thế nào là ba tướng ? Một là vô minh nghiệp tướng, bởi nương nơi bất giác nên tâm động gọi là nghiệp. Giác thì bất động, động thì có khổ, vì quả chẳng rời nhân.

6- Chuyển tướng chuyển thức a-lại-da thức, nghĩa là tướng hay thấy cảnh giới và chuyển thức riêng lập làm a-lại-da, nên trong khế kinh nói về Đại vô lượng: “Thức a-lại-da có kiến kiến chuyển, không kiến kiến khai”, thế nên thức a-lại-da sẽ thuộc về quyết trạch nào ? Trong bản luận nói: “Hai là năng kiến tướng, vì nương nơi động nên hay thấy, bất động nên không thấy”.

7- Hiện tướng thức a-lại-da thức, nghĩa là tướng cảnh giới và hiện thức riêng lập làm a-lại-da, nên trong khế kinh nói về Thật tế: “Biệt khác biệt, địa hiện tiền chuyển; tướng khác tướng, hạnh cụ túc chuyển cho nên gọi là thức a-lại-da. Lại nữa, thức a-lại-da thật sự là pháp dị thực vô ký, vì là tướng bạch tịnh; hoặc gọi là thành tự”, thế nên thức a-lại-da sẽ thuộc quyết trạch nào ? Trong bản luận nói rằng: “Ba là cảnh giới tướng, vì nương vào năng kiến nên cảnh giới vọng hiện, vì lìa thấy nên không có cảnh giới”.

8- Tính chân như lý a-lại-da thức, nghĩa là chân như thanh tịnh được chính trí chứng đắc riêng lập làm a-lại-da, nên trong khế

kinh nói về chư pháp đồng thể: “Có thức là thức, phi thức thuộc về thức gọi đó là như như a-lại-da thức”, thế nên thức a-lại-da sẽ thuộc quyết trạch nào ? Đó là trí bát-nhã thanh tịnh thuộc về chân như.

9- Thanh tịnh thi giác a-lại-da thức, nghĩa bát-nhã thi giác thanh tịnh sẵn có riêng lập làm a-lại-da cho nên trong kệ kinh nói về quả viên mãn: “Phật bảo Bồ-đề thụ vương: Tự nhiên thi giác a-lại-da thức thường chẳng lìa bản giác thanh tịnh, bản giác thanh tịnh thường chẳng lìa thi giác tịnh thức, theo cái này thì có cái kia, theo cái kia thì có cái này, hoặc chẳng phải đồng loại, hoặc chẳng phải khác loại”, thế nên thức a-lại-da sẽ thuộc quyết trạch nào ? Trong bản luận nói: “Nghĩa bản giác đối với thi giác, vì là đồng bản giác”.

10- Nhiễm tịnh thi giác a-lại-da thức, nghĩa là thi giác bát-nhã tùy duyên riêng lập ra a-lại-da nên trong kệ kinh nói về quả viên mãn: “Lại nữa, thụ vương, như thi giác tịnh thức và bản giác nói nhiễm tịnh thi giác a-lại-da thức. Bất thủ tự tính duyên khởi bản giác cũng như thế”, thế nên thức a-lại-da sẽ thuộc quyết trạch nào ? Trong bản luận nói rằng: “Nghĩa thi giác, vì nương bản giác mà có bất giác, nương bất giác mà có thi giác”. Lại do giác ngộ nguồn tâm nên gọi là cứu cánh giác; chẳng giác ngộ nguồn tâm nên chẳng phải là cứu cánh giác”. Cho đến đã nói tạng thức phân tích vẫn tự sinh ra môn biệt tướng, lại nói tổng thức thâm nhiếp sinh ra môn viên mãn.

Thức này có hai nghĩa hay bao gồm tất cả pháp, hay sinh tất cả pháp: một là nghĩa giác, hai là nghĩa bất giác để hiển bày tổng quát tướng viên mãn thù thắng của đại thức. Nghĩa này thế nào ? Đó là đầy đủ hai thứ viên mãn: một là công đức viên mãn, hai là quá hoạn viên mãn.

Công đức viên mãn là kết quả của nghĩa giác, vì hay bao gồm và sinh ra vô lượng vô biên công đức vượt hơn Hằng sa, bất ly bất đoạn.

Quá hoạn viên mãn là kết quả của nghĩa bất giác, vì hay bao gồm và sinh ra vô lượng vô biên lầm lỗi vượt hơn Hằng sa, hoặc ly hoặc thoát các lỗi lầm.

Hỏi: Nếu chẳng lập thức thứ tám thì có những lỗi gì ?

Đáp: Có lỗi rất lớn, tất cả pháp nhiệm tịnh chẳng thành, vì không có nguyên nhân. Thức luận nói: “Nếu không có thức này giữ gìn chủng tử phiền não thì sau khi qua lại nơi giới địa không có nhiệm tâm, các phiền não dấy khởi lẽ ra chẳng có nguyên nhân, vì các pháp khác chẳng thể giữ gìn chủng tử. Nếu các phiền não sinh khởi chẳng có nguyên nhân thì chẳng có quả học và vô học của ba thừa, vì những thứ đã đoạn lẽ ra phải khởi”.

Lại nếu không có thức này giữ gìn chủng tử đạo thanh tịnh thể và xuất thể thì sau khi tâm dị loại khởi các tịnh pháp lẽ ra không có nhân.

Lại đạo xuất thể ban đầu lẽ ra chẳng sinh, vì không có pháp giữ gìn chủng tử pháp kia. Do ban đầu chẳng sinh nên sau đó cũng chẳng sinh, vậy thì lẽ ra không có đạo quả của ba thừa.

Nếu không có thức này giữ gìn chủng tử phiền não thì chuyển y đoạn quả cũng chẳng thành, nghĩa là lúc đạo khởi thì hiện hành và chủng tử phiền não đều chẳng có, hai tâm nhiệm tịnh chẳng khởi, đạo tương ưng tâm chẳng giữ gìn chủng tử, tự tính trái nhau như niết-bàn, các pháp khác chẳng giữ gìn chủng tử. Đã không có sở đoạn, cũng không có năng đoạn thì y theo cái gì, do cái gì mà lập đoạn quả. Nếu do đạo lực, lậu hoặc chẳng sinh lập đoạn quả thì ban đầu đạo khởi lẽ ra thành vô học, các phiền não sau đều đã không nhân nên vĩnh viễn chẳng sinh, nếu chấp nhận có thức này thì tất cả đều thành, vì chỉ có thức này hay giữ gìn chủng tử nhiệm tịnh. Chứng minh thức này có lý thú vô biên nhưng e người học ngại lời văn rườm rà nên lược thuật cương yếu, có phần giáo lý về thức này rõ ràng, người có trí nên tin sâu và tiếp nhận. Ý chỉ chân duy thức này, nghìn Thánh đều vâng theo, Trung Quốc, Ấn Độ chẳng có ai chống đối.

Bách Pháp Sao ghi: “Về chân duy thức lượng, ngài Huyền Trang đời Đường đến thành Khúc Nữ ở Trung Ấn Độ, vua Giới Nhật tổ chức đại hội vô-già trong 18 ngày, triệu thỉnh năm vị sa-môn, bà-la-môn và tiểu thừa ngoại đạo thấu hiểu pháp nghĩa để đối địch với ngài, lập ra một tỷ lượng ghi trên thẻ vàng; trải qua 18 ngày không có người dám bài xích”. Do đó *Nhân Minh Sớ* ghi: “Đại sư chu du Tây Vực, khi học xong sắp trở về Trung Quốc, vua Giới Nhật ở Ấn Độ tổ chức đại hội vô-già trong 18 ngày khiến đại sư lập nghĩa, các bậc hiền lương khắp Thiên Trúc đều tụ hội khiến cho ngoại đạo tiểu thừa tranh nhau cật vấn, đại sư lập lượng không một ai dám đối đáp”. Đại sư lập duy thức tỷ lượng: “Vì chân nên sắc cực thành là có pháp, quyết định chẳng lìa nhãn thức là tông”.

Nhân nói: “Tự chấp nhận thuộc về ba cái ban đầu, chẳng thuộc tùy miên, đồng dụ như nhãn thức”.

Hợp cho: “Thuộc về ba cái ban đầu, vì chẳng thuộc nhãn, đều chẳng lìa nhãn thức, đồng dụ như nhãn thức, dị dụ như nhãn căn”.

Hỏi: Vì sao chẳng cùng chấp nhận ?

Đáp: Chẳng phải là chính nhân, chỉ là nhân đầu tiên mượn lời bỏ lỗi, cũng chẳng phải Tiểu thừa chẳng chấp nhận Đại thừa, tự cho rằng nhân trên pháp có chuyển, vì ba chi đều là chung. Ban đầu nói về nhân lập tông, sau đó trình bày vấn đáp.

Ban đầu vẫn có hai: đầu tiên là nói về tông, kế đến là giải thích nhân, như ở trước nói: “Chân nên sắc cực thành”. Trong năm chữ trên, một chữ sắc chính là có pháp, bốn chữ còn lại chỉ là ngăn lỗi. Hai chữ “vì chân” ngăn lỗi là lược bỏ lỗi trái với thế gian và lỗi trái với giáo pháp.

Hỏi: Thế gian thiên cận cứ cho rằng sắc lìa thức mà có, nay Đại thừa chủ trương sắc chẳng lìa nhãn thức, không như sự hiểu biết của thế gian. Lượng này chẳng phạm lỗi trái với thế gian sao ?

Đáp: Phạm lập tỷ lượng thì có tự, tha, cộng, tùy theo chỗ thích ứng của nó mà riêng có sự lược bỏ.

Nếu tự tỷ lượng thì tự chấp nhận nói là lược bỏ. Nếu tha tỷ lượng thì ông chấp nhận nói là lược bỏ. Nếu cộng tỷ lượng thì nghĩa thù thắng nói là lược bỏ. Nay cộng tỷ lượng có chỗ gián biệt, nói “vì chân” biểu thị y theo nghĩa thù thắng, tức là nương vào bốn thắng nghĩa để lập nên chân lý biểu hiện thể dụng.

Hỏi: Chẳng trái thế gian vô học là đúng sao ? Như Thế Tôn trong kinh A-hàm Tiểu thừa cũng thừa nhận sắc lìa thức mà có; học giả Tiểu thừa đều cho ngoài tâm có cảnh thật đâu chẳng trái với giáo lý trong kinh A-hàm ?

Đáp: Chỉ thành lập theo nghĩa thù thắng của Đại thừa, chẳng trái với giáo lý Tiểu thừa và cũng không sai lầm đối với thế pháp.

Hỏi: Nói “chân tâm” là tránh được lỗi thế gian và trái với giáo lý. Hai chữ “cực thành” tránh được lỗi gì ?

Đáp: Cực thành là tránh được hai thứ “bất cực thành sắc”. Trong 20 bộ phái Tiểu thừa, trừ bốn bộ: Nhất Thuyết bộ, Thuyết Giả bộ, Thuyết Xuất Thế bộ, Kê Dận bộ; 16 bộ còn lại đều thừa nhận thân sau cùng của Bồ-tát là sắc nhiệm ô và của Phật là sắc hữu lậu.

Đại thừa chẳng thừa nhận là một thứ “bất cực thành sắc”, Đại thừa thừa nhận sắc thân Phật ở phương khác và sắc thân Phật vô lậu; phái Kinh Lượng tuy thừa nhận sắc thân Phật ở phương khác, nhưng không thừa nhận là vô lậu. Mười chín bộ còn lại đều không chấp nhận có sắc và hai sư ở trước cho rằng chẳng phải sắc cực thành.

Nếu chẳng nói “cực thành” mà chỉ nói “vì chân nên sắc có pháp, quyết định chẳng lìa nhãn thức là tông”. Lại lúc nói sắc, sự thừa nhận hay không thừa nhận đều bao gồm trong có pháp; điều Tiểu thừa chấp nhận, thì Đại thừa không chấp nhận, nay nếu lập duy thức thì một phần phạm tự sở biệt bất cực thành và một phần phạm trái tông.

Lại điều Đại thừa chấp nhận, Tiểu thừa không chấp nhận, nay lập có pháp thì một phần phạm tha sở biệt bất cực thành, cho đến nói thuộc ba pháp ban đầu, nhãn thức chẳng thuộc về nhân thì

phạm tự tha tùy mỗi mỗi phần được y cứ chẳng thành, vì trước nói bất cực thành sắc là sở y, nay đều lược bỏ bốn pháp này nên nói là cực thành.

Hỏi: Hai chữ “cực thành” lược bỏ hai tông chẳng cực thành sắc, không biết Tam tạng pháp sư Huyền Trang lập sắc nào làm duy thức ?

Đáp: Ngoại trừ hai tông chẳng phải sắc cực thành, kẻ lập người phá đều thừa nhận tất cả sắc là duy thức, do đó *Nhân Minh Sớ* nói: “Cả hai lập và phá đều thừa nhận các sắc là duy thức”. Sau đó nói quyết định chẳng lìa nhãn thức là cực thành năng biệt.

Hỏi: Vì sao chẳng phạm lỗi năng biệt bất cực thành, như Tiểu thừa cho rằng sắc chẳng lìa nhãn thức ?

Đáp: Đây là tông y, nhưng trong tông khác có nghĩa chẳng lìa liền được Tiểu thừa chấp nhận nhãn thức duyên sắc, nắm lấy cái thể của nó có nghĩa chẳng lìa, và chấp nhận đương thể của nhãn thức cũng chẳng lìa nhãn thức, cho nên không có lỗi năng biệt bất cực thành.

Hỏi: Đã chấp nhận nhãn thức duyên sắc có nghĩa chẳng lìa nhau, sau đó hợp thành tông thể lẽ ra phải có lỗi giúp nhau ?

Đáp: Không có lỗi giúp nhau. Đại thừa chỉ chấp cảnh chẳng lìa ngoài tâm không có cảnh thật. Nếu trước sau hòa hợp làm tông, biết rõ người lập chấp nhận; người phá không chấp nhận; lập phá cùng tranh gọi là tông thể. Trong đây chỉ tranh luận trên lời nói chứ chưa chấp nhận ý tưởng.

Đã nói tông, kế nói về nhân, có hai: đầu tiên nói về chính nhân, kế đến nói về mượn lời bỏ lỗi.

* **Đầu tiên nói về chính nhân:** nói ba pháp thuộc ban đầu là 18 giới đều nắm lấy một giới ban đầu, tức là nhãn căn giới, nhãn thức giới, sắc cảnh giới là ba giới ban đầu trong 18 giới.

Hỏi: Giả sử chẳng nói thuộc về ba pháp ban đầu, chỉ nói chẳng thuộc nhãn thức thì có lỗi gì ?

Đáp: Có hai lỗi: một là lỗi bất định, hai là lỗi trái với tự giáo.

1- Lỗi bất định: như lập lượng nói: “Chân nên sắc cực thành, quyết định chẳng là nhãn thức”.

Nhân nói: “Những gì không thuộc về mắt dụ như nhãn thức thì mắt chẳng thuộc nhân tổng quát”. Hướng đến ví dụ khác ở trên mười lăm pháp sau chuyển, vì đều chẳng thuộc về mắt nên bị ngoại đạo đưa ra lỗi bất định nói: “Vì như nhãn thức chẳng thuộc về mắt; nhãn thức chẳng là nhãn thức, chúng sắc cực thành chẳng là nhãn thức sao? Vì như mười lăm pháp sau chẳng thuộc về mắt, mười lăm pháp sau quyết định là nhãn thức, chúng sắc cực thành nhất định là nhãn thức sao?”.

Hỏi: Đại thừa nói mười lăm pháp sau cũng chẳng là nhãn thức được chăng?

Đáp: Dù Đại thừa chấp nhận mười lăm pháp sau cũng chẳng là nhãn thức, tránh được lỗi bất định nhưng lại trái tự tông, vì tông đại thừa nói mười lăm pháp sau nhất định là nhãn thức, cho nên ba pháp ban đầu thuộc nửa nhân, vì gần mười lăm pháp sau chẳng phải thuộc ba pháp ban đầu.

Hỏi: Chỉ nói thuộc ba pháp ban đầu, chẳng nói chẳng thuộc về mắt lại có lỗi gì?

Đáp: Cũng phạm hai lỗi: một là lỗi bất định; hai là lỗi tự tương của pháp quyết định trái nhau.

Bất định, như lập lượng nói: “Vì chân nên cực thành sắc nhất định chẳng là nhãn thức”. *Nhân Minh Sơ* nói: “Thuộc ba pháp ban đầu dụ như nhãn thức, là ba pháp ban đầu thuộc nhân tổng quát”. Hướng đến ví dụ khác trên nhãn căn chuyển, bị người nêu ra lỗi bất định nói: “Vì như nhãn thức thuộc ba pháp ban đầu, nhãn thức chẳng là nhãn thức, chúng cực thành sắc chẳng là nhãn thức sao? Vì như nhãn căn cũng thuộc về ba pháp ban đầu, nhãn căn chẳng phải quyết định chẳng là nhãn thức, chúng cực thành sắc chẳng phải nhất định chẳng là nhãn thức sao?”

Hỏi: Sao chẳng nói quyết định là, mà nói chẳng phải quyết định chẳng là?

Đáp: Theo Đại thừa, nhân căn hướng về nhân thức, chẳng phải quyết định tức ly. Nói phi ly là vì căn là nhân, thức là quả đồng thời. Nói phi tức là vì sắc tâm khác biệt, hiện nay chỉ nói chẳng phải quyết định chẳng là.

2- Lỗi tự tướng của pháp quyết định trái nhau: nói tự tướng của pháp là tự tướng của tông sau đó trình bày pháp; nói quyết định trái nhau là nhân trái với tông.

Ngoại đạo nói về lượng trái nhau: “Vì chân nên cực thành sắc là có pháp, chẳng phải chẳng là nhân thức tông”. Nhân nói: “Vì thuộc về ba pháp ban đầu, dụ như nhân căn”, liền bị ngoại đạo đem lượng trước dị dụ làm đồng dụ, đem đồng dụ làm dị dụ ?

Hỏi: Được thành tự tướng của pháp trái nhau sao ?

Đáp: Chẳng phải chân mới có thể phá. Về lượng của pháp tự tướng tương vi, người lập lượng ấy phải đồng không dị có, kẻ phá đó đồng có dị không mới thành pháp tự tướng tương vi. Nay hai nhà lập, phá đồng dụ có, dị dụ có, cho nên chẳng phải thật có lỗi pháp tự tướng tương vi.

Hỏi: Đã chẳng phải pháp tự tướng tương vi, thành cái lỗi bất định của quyết định tương vi chẳng ?

Đáp: Cũng chẳng phải. Cái lỗi bất định của quyết định tương vi, lập phá cùng tranh luận một pháp có. Nhân dụ cho khác biệt đều đủ ba tướng; bao trùm là tông pháp tính. Đồng phẩm quyết định có tính, dị phẩm bao trùm vô tính, nhưng chẳng sinh chính trí, hai nhà do dự chẳng thể quyết định thành một tông, gọi là lỗi bất định của quyết định tương vi.

Nay “vì chân nên cực thành sắc”, tuy là cùng tranh luận một pháp có, nhân lại là chung, nhưng lại thiếu tướng thứ ba cho nên chẳng phải lỗi bất định của quyết định tương vi.

Hỏi: Đã không có lỗi này, tại sao Nhân Minh Sớ nói phạm pháp lỗi tự tướng quyết định tương vi ?

Đáp: Chỉ vì luận giả phóng bút, là phát xuất từ trong lỗi cùng chung bất định, là lỗi tự pháp tự tướng quyết định tương vi, vì

chẳng phải thật có. Do lý do này nên thuộc về ba pháp ban đầu, chẳng thuộc về mắt, lại bỏ luôn cái lỗi bất định và tương vi.

*** Ké đến nói về mượn lời bỏ lỗi:**

Hỏi: Nhân lời chấp nhận ban đầu để làm gì ?

Đáp: Căn cứ Tam tạng lượng, phạm lỗi có pháp sai biệt tương vi, Pháp lượng của nhân minh nên có lỗi thì là lỗi ngăn cản. Nay Tam tạng lượng đã có lỗi này cho nên tự cho rằng ngăn cản.

Hỏi: Vì sao có lỗi này ?

Đáp: Trong có pháp của Tam tạng lượng tuy nói chẳng dính dáng nhưng có ý chấp nhận. Theo Đại thừa tông có hai loại sắc: có bản chất sắc là nhãn thức, có tướng phần sắc chẳng là nhãn thức. Tiểu thừa chấp nhận sắc là nhãn thức, nhưng họ không chấp nhận sắc chẳng là nhãn thức. Nay Tam tạng lượng nói: “Vì chân nên cực thành sắc là có pháp”. Nếu dùng lời trình bày tự tướng thì lập pháp cùng thừa nhận sắc, và nêu lên thuộc về ba pháp ban đầu, mắt chẳng thuộc nhân, cũng chỉ thành lập đều chấp nhận sắc chẳng là nhãn thức. Nếu theo sự thừa nhận của Tam tạng lượng thì chỉ lập tướng phần sắc chẳng là nhãn thức. Vì thuộc về ba pháp ban đầu nên mắt chẳng thuộc nhân, thành lập sai biệt tướng phần sắc trên có pháp do đó quyết định chẳng là nhãn thức. *Nhân Minh Sơ* nói: “Nghĩa là vì chân nên cực thành sắc là có pháp tự tướng”. Sắc quyết định chẳng là nhãn thức là pháp tự tướng, sắc là nhãn thức chẳng phải quyết định, sắc là nhãn thức là có pháp sai biệt. Người lập thừa nhận là sắc chẳng là nhãn thức.

Hỏi: Ngoại đạo lúc nêu ra Tam tạng lượng có lỗi pháp tương vi, làm sao ngăn được lời thừa nhận ấy ?

Đáp: Chờ ngoại đạo trình bày lượng tương vi liền đem hai chữ thừa nhận nêu ra lỗi bất định của ngoại đạo lượng. Ngoại đạo lượng đã tự có lỗi thì lại có đạo lý gì có thể hiển bày trong Tam tạng lượng có lỗi pháp sai biệt tương vi.

Hỏi: Tiểu thừa nêu ra trái lượng, hành tướng như thế nào ?

Đáp: Tiểu thừa nói: “Bất chợt quan sát người lập nói về tự tướng, ba chi không lỗi, và tìm điều được lập ra vốn là nhận thức tổng quát”. Nếu ý sai biệt trên có pháp, đem nhân dụ cho thừa nhận thành lập tướng phần sắc trên có pháp.

Chẳng lìa nhãn thức là nhãn thức chẳng được làm đồng dụ. Và lại, nhãn thức đều lìa sắc, vì tất cả sắc đều lìa nhãn thức. Đã lìa nhãn thức thì chẳng được làm đồng dụ, chỉ làm dị dụ, tức là nhân của ba pháp ban đầu đều hướng đến dị dụ trên nhãn thức chuyển. Vì thế luận nói: “Đồng phẩm vô xứ chẳng trở thành tông của người lập; dị phẩm hữu xứ trở thành tông nghĩa tương vi của người phá”. Tức là Tiểu thừa chẳng sửa đổi cái nhân của người lập, trình bày lượng tương vi: “vì chân nên cực thành sắc, là có pháp, chẳng phải lìa nhãn thức tông”.

Nhân nói: “Thuộc về ba pháp ban đầu, vì chẳng thuộc về mắt, đồng dụ như nhãn thức”.

Hợp nói: “Thuộc về ba pháp ban đầu, vì chẳng thuộc về mắt, đều chẳng phải chẳng lìa nhãn thức, đồng dụ như nhãn thức. Nói phi là không”.

Tiểu thừa nói: “Sắc lìa nhãn thức” là ngăn ý của Tam tạng chấp nhận tướng phần sắc là không. Do đó Tam tạng định nói lời chấp nhận, lấy sắc thân Phật ở phương khác, từ chối ngoại đạo lượng làm ra lỗi bất định. Đưa ra cái lỗi: Vì như nhãn thức là thuộc về ba pháp ban đầu, chẳng thuộc về mắt, nhãn thức chẳng phải chẳng lìa sắc của nhãn thức, chúng cực thành sắc chẳng phải chẳng lìa sắc của nhãn thức sao? Ví như ta tự thừa nhận sắc Phật phương khác cũng là thuộc về ba cái ban đầu, chẳng thuộc về nhãn; sắc Phật phương khác là chẳng lìa sắc của nhãn thức, chúng cực thành sắc là chẳng lìa nhãn thức sao? Lượng tương vi của ngoại đạo đã phạm lỗi trong cộng tha bất định, biết rõ chẳng phải chân năng phá. Tam tạng lượng trở thành chân năng lập.

Hỏi: Nếu trong nhân chẳng nói tự thừa nhận, uổng công đem sắc thân Phật ở phương khác hợp cùng lượng tương vi của ngoại đạo thành lỗi bất định có được chăng ?

Đáp: Nếu uổng công đem sắc thân Phật ở phương khác chẳng nói tự thừa nhận, tức là Tiểu thừa chẳng thừa nhận, phạm lỗi một phần tùy nhất. Người chẳng chấp nhận một phần sắc thân Phật ở phương khác, vì thuộc về ba pháp ban đầu, mắt chẳng thuộc nhân. Cho nên *Nhân Minh Sớ* nói: “Nếu chẳng nói tự thừa nhận thì không được cho sắc thân Phật ở phương khác là bất định, vì lời này có lỗi tùy nhất”.

Hỏi: Sao chẳng chờ ngoại đạo trình bày lượng tương vi rồi sau đó nói tự thừa nhận, sao phải nói ra trước ?

Đáp: Lúc ấy sợ bị vấn nạn nên phòng bị trước, kể đến trình bày hỏi đáp.

Hỏi: Hai chữ “vì chân” đã tránh được cái lỗi trái giáo, tại sao trước đó nói về trên tông y ? Nếu chẳng nói cực thành sắc thì lại có lỗi trái tông.

Đáp: Hai chữ “vì chân” chỉ tránh được lỗi trái giáo trên tông thể, chẳng tránh được lỗi trái tông trên tông y.

Hai chữ “cực thành” là tránh được lỗi trái tông trên tông y.

Hỏi: Phần sau trình bày nhãn thức và đồng dụ như nhãn thức khác nhau như thế nào ?

Đáp: Phần sau trình bày nhãn thức tuy đồng nhưng ý thừa nhận khác biệt. Phần sau nói nhãn thức ý thừa nhận là tự chứng phần; đồng dụ như nhãn thức ý thừa nhận là kiến phần, vì kiến phần chẳng là tự chứng phần, như trong đồng tông tướng phần chẳng là tự chứng phần.

Hỏi: Nếu vậy sao chẳng lập lượng rằng tướng phần là có pháp, quyết định chẳng là tự chứng phần là tông.

Nhân nói: “Thuộc về ba pháp ban đầu, vì chẳng thuộc về mắt”, đồng dụ như kiến phần.

Đáp: Tiểu thừa chẳng thừa nhận có bốn phần, vì e phạm lỗi tùy nhất, nên chỉ nói nhãn thức.

Hỏi: Lượng này theo lời nói trình bày lập được sắc gì ?

Đáp: Nếu chỉ theo lời nói trình bày thì không thể thành lập hai sắc bản chất và tướng phần. Nếu nói đúng ý thì lập được tướng phần sắc.

Lại giải thích: Tiểu thừa chưa đưa ra câu hỏi trước là đem lời biểu đạt ý. Đại thừa chưa đưa ra lời đáp sau là đem ý diễn thành lời.

Hỏi: Đã chia ra hai sắc tướng phần và bản chất bèn là bất cực thành, trước đó tại sao nói cực thành sắc, vì chẳng cùng thừa nhận tướng phần ?

Đáp: Nếu theo lời nói trình bày có pháp tự tướng, phá lập đều thừa nhận sắc nên cho rằng cực thành. Nếu Đại thừa chấp nhận tướng phần sắc thì nào có liên quan gì lời nói về tự tướng, đâu chẳng cực thành sao ?

Các bộ sao đều nói chẳng nên phân chia, như thế là sai, như Tiểu thừa chấp sắc Phật hữu lậu, Đại thừa chấp sắc Phật vô lậu. Như vậy nếu chẳng phân chia thì sao gọi là sắc cực thành ? Nhưng họ đã phân chia thì đành chịu vậy!

Hỏi: Hiện nay luận tông hiển tính tại sao dẫn nhiều kinh văn nói về ba chi tỷ lượng ?

Đáp: Chư Phật thuyết pháp còn y theo tục đế, hướng là ba chi tỷ lượng lý xuyên suốt ngũ minh, lấy phá lập làm tông, nhờ lời nói sinh hiểu biết làm thể, dẹp đi chấp của phàm phu và Tiểu thừa, xác định cương tông của Phật pháp. Do đó giáo không có trí thì không thể kiện toàn; gỗ không có dây mực thì không thể ngay thẳng. So sánh mới có thể sinh niềm tin chế phục hoài nghi điên đảo; suy lường mới có thể xác định lời chân thật, chặn đứng tà thuyết ngông cuồng, cho nên bánh xe chính pháp luôn chuyên tải ý chỉ duy thức; pháp duy thức này lưu hành rộng rãi thì mọi việc có công năng hiển lý, lời nói có năng lực đem lại sự an lạc. Như đại sư Từ Ân nói: “Luận Nhân Minh vốn chỉ do Phật thuyết, văn rộng nghĩa nhiều rải rác các

kinh”, do đó *luận Địa Trì* nói: “Bồ-tát cầu pháp nên cầu cái gì ? Nên cầu ngũ minh, cầu nhân minh là phá dẹp tà luận, an lập chính đạo”. Kiếp sơ ngài Túc Mục sáng lập chân tợ, bèn theo ngài Thế Thân trình bày lại quỹ thức. Tuy kỹ cương đã lập nhưng chưa rõ ràng cho nên khiến cho khách chủ mâu thuẫn vẫn còn nghi phép tắc lập pháp. Bồ-tát Trần Na xuất hiện đúng lúc, là một trong nghìn Phật ở thời Hiền kiếp. Ngài dẫu tung tích trong hang sâu, chuyên tâm thiền định, quan sát sự lợi hại của thuật tác, xét rõ sự phiền lược của văn nghĩa. Khi ấy hang núi âm vang, mây ráng đổi màu, thân núi nâng chân Bồ-tát cao vài trăm thước rồi xướng lên: “Phật thuyết nhân minh huyền diệu khó hiểu, sau khi Như Lai diệt độ, đại nghĩa ẩn mất. Hôm nay hạnh phúc thay, có bậc trí cao xa thâm đạt Thánh chỉ nhân minh luận”. Thần núi cầu thỉnh ngài hoàng dương, Bồ-tát liền phóng thần quang chiếu soi cơ cảm. Bấy giờ, tại Nam Ấn, vua Ấn-đạt-la thấy ánh sáng rực rỡ bèn hoài nghi ngài sắp nhập Kim cương dụ định, nên thỉnh ngài chứng quả vô học. Bồ-tát bảo:

- Ta nhập định để xem xét giải thích ý nghĩa sâu xa của kinh, tâm kỳ vọng đại giác, chẳng cầu tiểu quả.

Vua nói:

- Chư thánh đều ngưỡng mộ quả vô học thỉnh tôn giả chóng chứng.

Bồ-tát an ủi vua, muốn vua thỉnh Bồ-tát Diệu Kiết Tường nên khảy ngón tay răn nhắc: “Sao lại bỏ tâm rộng lớn mà khởi ý chí hẹp hòi?”. Ngài vì lợi ích rộng lớn nên chuyển sang nói luận Du-già của Từ Thị, sửa sang lại kỹ cương, chế tác nhân minh, lập lại quy củ. Trần Na cung kính thọ lãnh lời giáo huấn của Bồ-tát, phụng hành chu toàn. Khi ấy, ngài bàn luận tư duy nghiên cứu tinh chuyên bèn tạo ra *luận Nhân Minh Chính Lý Môn*.

Chính lý là thể bản chân thật của các pháp.

Môn là chìa khóa của sự hiểu biết suy lường.

Luận Du-già nói: “Vì sao gọi là nhân minh xứ ? Là những sự việc có mặt trong khi quan sát nghĩa. Pháp được kiến lập gọi là

quan sát nghĩa, pháp hay tùy thuận gọi là những sự việc có mặt. Những gì đang có là nhân minh, vì nhờ chiếu soi quan sát nghĩa”.

Lại như ngoại đạo chấp âm thanh là thường, nếu chẳng dùng tỷ lượng phá trừ thì làm sao phá được cái chấp ấy ? Như ngoại đạo lập lượng: “Âm thanh là có pháp, quyết định thường còn làm tông”. Nhân nói: “Là tính được tạo tác nên đồng dụ như hư không”, do đó hư không chẳng phải tính thì được tạo tác trên nhân chẳng lưu chuyển, dẫn dụ chẳng tương xứng, lập âm thanh là thường chẳng thành.

Nếu trong Phật pháp cho âm thanh là vô thường thì lập lượng nói: “Âm thanh là có pháp, quyết định vô thường làm tông”. Nhân nói: “Là tính sở tác nên đồng dụ như bình, chậu, di dụ như hư không”, nên biết nếu không có tỷ lượng làm sao có thể hiển chính phá tà ? Vì thế thật tế lý địa chẳng nhận một trần, trong môn Phật sự chẳng bỏ một pháp. Nếu muốn học tập phương tiện của chư Phật cần phải đầy đủ các hạnh Bồ-tát, mỗi mỗi thấu suốt mới hoàn thành việc giáo hóa rộng lớn. Như trên trích dẫn nhiều văn nói về tạng thức, chư Phật đều thuyết minh, kinh luận cùng kiến lập, bản thức thứ tám, chân như nhất tâm rộng lớn vô biên, thể tính vi tế. Hiện tâm nguyên mà không ngoài, trùm tính tướng để bao gồm; biệt danh của nó là trì chủng, làm chủ tổng báo, tạo thể hữu tình, lập nhân niết-bàn. Nơi sơ vị gọi chung là lại-da ở cực quả nói riêng là vô cấu; đầy đủ căn bản trí và hậu đắc trí, thành tựu môn tự lợi lợi tha; tùy chấp hữu, chấp vô mà đặt nhiều tên; theo duyên nhiễm tịnh mà có nhiều thể; giữ lấy tất cả mà bao trùm như thái hư, hiện muôn pháp như đại địa phát sinh thì pháp nào chẳng thâm, môn nào chẳng nhập. Chỉ vì hiểu sai về nhất chân, nhận thấy có cái thứ hai. Ban đầu do tâm giác minh năng liễu phát khởi tướng trần lao trong ngoài. Nơi một viên trạm tách ra làm căn trần, tụ bốn đại bên trong làm thân, chia bốn đại bên ngoài làm cảnh; trong lấy thức tình làm cấu, ngoài do tướng tướng thành trần; vô niệm thì cảnh đạt nhất như, có tướng thì chân thật thành muôn sai biệt. Nếu có

thể tâm thên thang như pháp giới, cảnh rỗng rang như chân không, hoa đốm và mắt bệnh đều dứt, một con đường sáng hiện ra, đây gọi là xé nát lưới chằng chịt của lối mê, mở toang nhiều lớp cửa của nhà giác; tỉnh giấc mộng dài đại giác hằng sáng, dứt tính điên cuồng đầu của mình vẫn còn đây.
